

Số: 43/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 09 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (lần 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét Tờ trình số 5872/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 đối với một số dự án, cụ thể như sau:

- Bổ sung 08 dự án chuẩn bị đầu tư chưa có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 với tổng vốn bố trí là 7.324.000.000 đồng (*Bảy tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

(Phụ lục I kèm theo)

- Bố trí tăng vốn cho 41 dự án với tổng vốn tăng là 760.482.000.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu đồng*).

(Phụ lục II kèm theo)


- Điều chỉnh giảm vốn 11 dự án với tổng vốn giảm là 767.806.000.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm lẻ sáu triệu đồng*).

(Phụ lục III kèm theo)

Các nội dung không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- LDVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- CV phòng TH, phòng HC-TC-QT;
- Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH


Võ Văn Minh



Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG DANH MỤC**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Bổ sung KH điều chỉnh trung hạn 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.324	
I	HẠ TẦNG KINH TẾ	2.824	
1	Nâng cấp, mở rộng đường 30 tháng 4	500	
2	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đình	1.000	
3	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã năm Phước Kiến	1.000	
4	Dự án tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	324	
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	4.500	
5	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	2.000	
6	Đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	200	
7	Hệ thống thu gom nước thải Khu Quy hoạch Định Hòa	1.800	
8	Xây dựng hàng rào Rừng Kiến An	500	

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
CÁC DỰ ÁN TĂNG VỐN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	KH điều chỉnh ĐTC 2016-2020 (23/NQ-HĐND)	Điều chỉnh KH trung hạn 2016-2020	Số vốn tăng	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	3.192.079	3.952.561	760.482	
I	HẠ TẦNG KINH TẾ	1.395.608	1.673.591	277.983	
1	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	16.970	31.170	14.200	
2	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	490.000	550.000	60.000	
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cồng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	287.400	297.400	10.000	
4	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	400.000	456.000	56.000	
5	Xây dựng mới đường ĐH 618	30.000	48.180	18.180	
6	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	72.807	82.035	9.228	
7	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	32.440	52.955	20.515	
8	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	28.000	52.865	24.865	
9	Nâng cấp Đường ĐH 515	9.291	22.953	13.662	
10	Nâng cấp đường Cống Triết	18.700	39.533	20.833	
11	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	10.000	40.500	30.500	
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1.498.308	1.888.170	389.862	
12	Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường	991.130	1.162.859	171.729	
13	Dự án: Các công trình Trường Đại học Thủ Dầu Một	96	2.596	2.500	
14	Dự án: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cổng, tường rào và khuôn viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	180	2.680	2.500	
15	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	800	50.000	49.200	
16	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	16.250	16.369	119	
17	Dự án trùng tu, tôn tạo Di tích Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	2.500	7.967	5.467	
18	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THPT Bình Phú	18.000	20.701	2.701	
19	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THPT An Mỹ	18.000	20.755	2.755	
20	Trường Tiểu học Định Hòa 2	18.200	20.768	2.568	
21	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	1.000	1.500	500	
22	Trường THCS Minh Tân (các hạng mục còn lại)	45.000	49.240	4.240	
23	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Vĩnh Hòa	1.000	20.376	19.376	
24	Trường TH Trù Văn Thố	25.000	42.000	17.000	

STT	Danh mục	KH điều chỉnh ĐTC 2016-2020 (23/NQ-HĐND)	Điều chỉnh KH trung hạn 2016-2020	Số vốn tăng	Ghi chú
25	Trường THCS Cây Trường	25.000	37.000	12.000	
26	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	1.000	7.500	6.500	
27	Trường THPT Tân Bình	1.500	22.500	21.000	
28	Trường Tiểu học Tân Thành	77.082	78.564	1.482	
29	Trường Mầm Non Hoa Mai 2	1.000	35.000	34.000	
30	Mở rộng trường THCS Nguyễn Thái Bình	46.400	49.198	2.798	
31	Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	12.000	12.153	153	
32	Trường Tiểu học Thái Hòa B	58.000	62.524	4.524	
33	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	67.000	70.250	3.250	
34	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	51.200	54.200	3.000	
35	Trường Tiểu học An Tây B (GD 2)	500	16.000	15.500	
36	Trường THCS An Điền (GD 2)	20.470	25.470	5.000	
III	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC-QP-AN	298.163	390.800	92.637	
37	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	68.564	99.650	31.086	
38	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	162.500	216.952	54.452	
39	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	1.000	7.200	6.200	
40	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	65.990	66.389	399	
41	Xây dựng, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an Thị xã Tân Uyên	109	609	500	



Phụ lục III

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
CÁC DỰ ÁN GIẢM VỐN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	KH điều chỉnh ĐTC 2016-2020 (23/NQ-HĐND)	Điều chỉnh KH trung hạn 2016-2020	Số vốn giảm	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.842.964	2.075.158	-767.806	
I	HẠ TẦNG KINH TẾ	833.000	643.290	-189.710	
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	733.000	585.814	-147.186	
2	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	100.000	57.476	-42.524	
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1.606.444	1.413.442	-193.002	-
3	Trường THPT chuyên Hùng Vương	31.500	11.500	-20.000	
4	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	179.178	141.178	-38.000	
5	Nâng cấp CSVC Bệnh viện phục hồi chức năng	9.200	5.200	-4.000	
6	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	72.500	67.551	-4.949	
7	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tương niệm chiến khu D	305.120	255.120	-50.000	
8	Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường	1.008.946	932.893	-76.053	
III	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	403.520	18.426	-385.094	
9	Trung tâm Hành chính huyện Bàu Bàng	150.000	8.000	-142.000	
10	Trung tâm Hành chính huyện Bắc Tân Uyên	150.000	8.548	-141.452	
11	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	103.520	1.878	-101.642	